

Bản án số: 56/2018/DS-PT

Ngày: 22/3/2018

V/v tranh chấp di sản thừa kế và
yêu cầu hủy văn bản khai nhận
di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lâm Sơn

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Đình Thi

Bà Nguyễn Thị Nhiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Trịnh Văn Dương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 181/2017/TLPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2017, về tranh chấp di sản thừa kế và yêu cầu hủy văn bản khai nhận di sản thừa kế.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 29/2017/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 298/2017/QĐ-PT ngày 22 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- Đồng nguyên đơn:

1. Bà Phạm Thị D, sinh năm 1948 (Có mặt);

2. Ông Lê Quang Th, sinh năm 1974 (Vắng mặt);

3. Bà Lê Thị M, sinh năm 1981 (Có mặt);

Cùng địa chỉ: Đường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông Lê Quang Tr, sinh năm 1983 (Có mặt).

Địa chỉ: Khu phố N, phường A, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D, ông Th và bà M là ông Lê Quang Tr, sinh năm 1983 (*Theo giấy ủy quyền xác lập ngày 09/8/2016 và ngày 05/9/2016*).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Tr: Ông Đặng Đức Tr, sinh năm 1981 (*Theo giấy ủy quyền ngày 17/3/2018*) (Có mặt).

Địa chỉ: Đường X, phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Ông Lê Quang Th2, sinh năm 1972 (chết ngày 08/12/2017);

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của ông Th2:

- Bà Lê Thanh H, sinh năm 1975 (Vợ ông Th2) (Có mặt);

- Cháu Lê Quang L, sinh ngày 25/01/2002 và cháu Lê Quang D, sinh ngày 05/3/2011 (Con ông Th2), người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thanh H.

Cùng địa chỉ: Khu phố N, phường A, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Ông Lê Quang U, sinh năm 1956 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện P, Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông U: Ông Võ Quang Th, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. NLQ1, sinh năm 1940 (Xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố N, thị trấn D, huyện P, Kiên Giang.

2. NLQ2, sinh năm 1943 (Xin xét xử vắng mặt);

3. NLQ3, sinh năm 1941 (Xin xét xử vắng mặt);

4. NLQ4, sinh năm 1958 (Xin xét xử vắng mặt);

5. NLQ5, sinh năm 1971 (Xin xét xử vắng mặt);

6. NLQ6, sinh năm 1976 (Xin xét xử vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Khu phố N, thị trấn D, huyện P, Kiên Giang.

7. NLQ7, sinh năm 1935 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của NLQ7: Ông Lê Văn C, sinh năm 1969; con NLQ7 (*Theo giấy ủy quyền xác lập ngày 18/10/2016 và ngày 18/5/2017*) (Có mặt).

HKTT: Ấp T, xã N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ: Khu phố N, thị trấn D, huyện P, Kiên Giang.

8. NLQ8 - Trưởng văn phòng là ông Nguyễn Văn L (Xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố N, thị trấn D, huyện P, Kiên Giang.

9. Bà Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1977 (Xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Đường T, đoạn N, khu B, thành phố Tân Bắc, Đài Loan.

10. Bà Lý Thị Mỹ Th, sinh năm 1979 (Xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Quang U là bị đơn

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Đồng nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Quang Tr trình bày:* Ông Lê Quang X là cha ruột của ông. Ông X chết ngày 21/7/2013. Khi còn sống ông X có phần đất diện tích 1.597,3m² thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ số 73, tọa lạc tại khu phố 8, thị trấn D, huyện P đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất số BC 093530 ngày 17/01/2011.

Khi ông X chết không để lại di chúc. Ngày 27/12/2013 ông Lê Quang U đến NLQ8 khai nhận di sản thừa kế với tư cách là người thừa kế duy nhất của ông X. Việc khai nhận thừa kế của ông U đã được NLQ8 công chứng. Từ đó ông U được Văn phòng đăng ký QSD đất huyện P ký điều chỉnh biến động trên giấy chứng nhận QSD đất ngày 02/01/2014.

Trong khi mẹ ông và các anh chị em của ông gồm Lê Quang Th2, Lê Quang Th, Lê Thị M và ông mới là người thừa kế hợp pháp của ông X nhưng NLQ8 đã công chứng văn bản khai nhận thừa kế cho ông U là không đúng quy định về thừa kế. Vì vậy, ông cùng các đồng nguyên đơn khác yêu cầu Tòa án hủy bỏ văn bản khai nhận di sản thừa kế của ông Lê Quang U đã được NLQ8 công chứng số 3551, quyền số 06/2013 TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 27/12/2013. Đồng thời yêu cầu ông Lê Quang U phải sang tên giấy chứng nhận QSD đất cho ông và các đồng nguyên đơn khác.

Đối với NLQ7 cho rằng trong phần đất mà ông X được cấp giấy có một nền nhà của NLQ7 và yêu cầu chia với diện tích 07m x 22,22m thì ông không đồng ý, vì khi ông X còn sống đã nói vào năm 2006 khi kê khai cấp giấy thì đã chia cho tất cả các anh em trong gia đình mỗi người một nền nhà. Riêng NLQ7 cũng được chia nhưng khi đó NLQ7 không nhận mà để cho ông X thờ cúng ông bà. Hiện tại không có bất cứ giấy tờ nào thể hiện có đất của NLQ7. UBND huyện P cấp giấy chứng nhận QSD đất là cấp cho cá nhân ông X, không phải cấp cho người đại diện của gia tộc.

Đối với căn nhà do NLQ5 và ông NLQ6 cất và đang ở trên phần đất này, do khi ông X còn sống đồng ý cho NLQ5, NLQ6 cất nhà để ở tạm, khi nào cần thiết ông sẽ yêu cầu NLQ5, NLQ6 di dời nhà trả lại đất cho ông. Còn hiện nay ông đồng ý cho vợ chồng NLQ5 tiếp tục ở.

* *Bị đơn ông Lê Quang U và người đại diện theo ủy quyền của ông U trình bày:* Năm 2006 khi chia thừa kế do cha mẹ chết để lại thì các anh chị em trong gia đình đều được chia, ông cũng như ông X cũng được chia 01 nền nhà nhưng ông X

đã bán cho người khác. Phần đất hiện nay ông X được cấp giấy là đất của từ đường nên ông không đồng ý để lại cho bà D và các con của bà D.

Đối với yêu cầu của NLQ7 chia 01 nền nhà trong phần đất ông X để lại thì ông đồng ý, vì năm 2006 họp mặt gia đình để chia thừa kế có lập văn bản, có chia cho NLQ7 01 nền nhà nhưng văn bản này ông đã làm mất. Khi đó NLQ7 không có mặt nhưng anh, chị, em trong gia đình đã thông báo cho NLQ7 biết về việc được chia đất nhưng NLQ7 chưa về nhận. Sau đó ông X kê khai cấp giấy chứng nhận QSD đất có phần đất của NLQ7.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- *Người đại diện theo ủy quyền của NLQ7 là ông Lê Văn C trình bày:* Trong diện tích đất 1.597,3m² mà ông X được cấp giấy có phần đất của NLQ7 vì khi ông X đăng ký QSDĐ là đăng ký cả phần đất của NLQ7 được chia thừa kế. Ông yêu cầu Tòa án chia cho NLQ7 diện tích đất 07m x 22,22m, ngang giáp đất ông Huỳnh Thiện Giang và hẻm, dài giáp đất NLQ4. Nếu phần đất NLQ7 yêu cầu và được chấp nhận mà có căn nhà NLQ5 đang ở thì ông yêu cầu NLQ5 di dời nhà đi nơi khác trả lại đất cho NLQ7.

Đối với tranh chấp giữa bà D và các con của bà D với ông U thì ông không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

- *Bà NLQ4, bà NLQ3, NLQ2 có cùng trình bày:* Nguồn gốc phần đất bà D và các con của bà D đang tranh chấp với ông Lê Quang U và NLQ7 là do cha mẹ các bà là ông Lê Quang A và bà Nguyễn Thị H khai khẩn năm 1968. Năm 1991, ông A chết nên bà H tiếp tục quản lý sử dụng, cũng trong thời gian này ông Lê Quang X về ở cùng với bà H. Năm 1996, bà H bệnh chết để lại cho ông X toàn quyền quản lý sử dụng đất đai do ông A, bà H khai khẩn. Năm 2006, các thành viên trong gia đình đã họp để phân chia di sản thừa kế mỗi người được một nền nhà có diện tích tương đương nhau. Riêng NLQ7 mặc dù khi đó không có mặt cũng được chia, các bà đã thông báo nhưng NLQ7 từ chối nhận. Riêng ông X vì phụ trách việc thờ cúng cha mẹ nên được hưởng toàn bộ diện tích đất còn lại và đã kê khai, đến năm 2011 được cấp giấy chứng nhận.

Từ khi ông X được cấp giấy chứng nhận QSD đất đến nay không ai có ý kiến hay tranh chấp gì. Với yêu cầu khởi kiện của bà D và các con của bà D thì các bà đồng ý với việc hủy bỏ văn bản khai nhận thừa kế của ông U đã được NLQ8 ông chứng vì đất này là của cá nhân ông X nên bà D và các con của bà D với ông X mới là người thừa kế hợp pháp. Bản thân các bà không có tranh chấp gì trong vụ án này.

Đối với yêu cầu độc lập của NLQ7 yêu cầu chia 01 nền nhà trong phần đất ông X chết để lại thì các bà không đồng ý vì năm 2006, khi anh em trong gia đình chia thừa kế thì NLQ7 cũng được chia nhưng đã từ chối không nhận.

- *NLQ1 trình bày:* Thống nhất với phần trình bày của bà Th, bà B và bà M về nguồn gốc cũng như sự phân chia thừa kế vào năm 2006. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị D và các con của bà D cũng như yêu cầu độc lập của NLQ7 thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Bà đồng ý để lại phần đất này cho bà D và các con của bà D nhưng yêu cầu bà D và các con của bà D phải xây lại căn nhà từ đường để thờ cúng ông bà.

- *NLQ5 và NLQ6 trình bày*: Khi ông Lê Quang X còn sống thấy hoàn cảnh ông, bà không có nơi ở nên đã đồng ý cho vợ chồng ông, bà cất một căn nhà tạm. Ông, bà không có ý kiến gì trong vụ án này, sau khi Tòa án giải quyết giao phần đất của ông X cho ai và khi người được giao có yêu cầu thì ông, bà sẽ dỡ nhà để trả lại đất cho người đó.

- *NLQ8 - Trưởng văn phòng là ông Nguyễn Văn L trình bày*: Ngày 11/12/2013, NLQ8 tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công chứng Văn bản khai nhận di sản thừa kế của ông Lê Quang U. Người để lại di sản thừa kế là ông Lê Quang X, sinh năm 1947, chết ngày 21/7/2013.

Ông Lê Quang U khai: Ông X lúc còn sống không để lại di chúc và không để lại bất kỳ nghĩa vụ tài sản nào mà người thừa kế của ông phải thực hiện. Ông bà nội, ngoại, cha đẻ và mẹ đẻ ông X đã chết trước ông. Ông X không có vợ cũng như con đẻ, con nuôi, ông X chỉ có một người em ruột là ông Lê Quang U, sinh năm 1956.

Do đó, sau khi thực hiện thủ tục niêm yết theo luật định không có ai khiếu nại nên NLQ8 đã cho ông U làm văn bản khai nhận di sản thừa kế theo luật định.

Nay NLQ8 được biết ông X có vợ là bà Phạm Thị D và các con chung với bà D là Lê Quang Th2, Lê Quang Th, Lê Thị M và Lê Quang Tr. NLQ8 nhận thấy việc công chứng viên NLQ8 công chứng văn bản khai nhận di sản thừa kế cho ông U là không đúng quy định pháp luật (không đúng người thừa kế) do ông U khai man hồ sơ công chứng. NLQ8 đề nghị Tòa án tuyên hủy văn bản công chứng nói trên.

- *Bà Lê Thị Mỹ L trình bày*: Bà là con ruột của ông Lê Quang X và bà Phạm Thị D nhưng bà không có tranh chấp, không có yêu cầu độc lập trong vụ án này. Bà đã có văn bản từ chối tham gia tố tụng trong vụ án và cam kết không có khiếu nại về sau.

- *Bà Lý Thị Mỹ Th trình bày*: Bà là con ngoài giá thú của ông Lê Quang X. Trong vụ án tranh chấp giữa bà D, ông Th2, ông Th, bà M và ông Tr với ông U bà không có tranh chấp gì đồng thời đã có đơn từ chối tham gia tố tụng đề nghị Tòa án không đưa bà vào tham gia vụ án.

* *Bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2017/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang đã quyết định*:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Phạm Thị D, ông Lê Quang Th2, ông Lê Quang Th, bà Lê Thị M và ông Lê Quang Tr.

- Hủy văn bản khai nhận di sản thừa kế của ông Lê Quang U đã được NLQ8 công chứng số 3551, quyền số 06/2013 TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 27/12/2013;

Buộc ông Lê Quang U giao trả lại cho bà Phạm Thị D, ông Lê Quang Th2, ông Lê Quang Th, bà Lê Thị M và ông Lê Quang Tr diện tích đất qua đo đạc thực tế 1.597,3m² thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ số 73 tọa lạc tại khu phố 8, thị trấn Dương Đông, huyện P do UBND huyện P cấp giấy chứng nhận QSD đất số BC 093530, ngày 17/01/2011 cho ông Lê Quang X. Thẻ hiện theo bản trích đo hiện trạng thửa đất tranh chấp ngày 12/9/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P (bút lục 108) có hình ABCDEFGHIJKLMN.

Và toàn bộ công trình xây dựng, cây trồng có trên đất.

Đề nghị Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P hủy bỏ nội dung chỉnh lý biến động trên giấy chứng nhận QSD đất số BC 093530, diện tích 1.597,3m² thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ số 73 tọa lạc tại khu phố 8, thị trấn D, huyện P do UBND huyện P cấp cho ông Lê Quang X để giao lại QSD đất này cho người thừa kế hợp pháp của ông Lê Quang X là bà Phạm Thị D, ông Lê Quang Th2, ông Lê Quang Th, bà Lê Thị M và ông Lê Quang Tr.

- Bác yêu cầu độc lập của bà Lê Thị Hà (NLQ2 Hà).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí đo đạc, định giá và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/7/2017 ông Lê Quang U có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, tuyên phần tài sản tranh chấp là tài sản chưa chia thuộc sở hữu của tất cả đồng thừa kế.

* Ngày 12/7/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang kháng nghị yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu độc lập của NLQ7 buộc các đồng thừa kế của ông X có nghĩa vụ giao cho NLQ7 01 nền nhà có diện tích 155,54 m². Đồng thời điều chỉnh án phí của NLQ7 lại cho phù hợp quy định pháp luật. Ngoài ra, Ông Tr không có yêu cầu gì đối với số tiền vay 212.000.000 đồng nhưng phần quyết định của bản án lại ghi *“Giành quyền khởi kiện cho ông Lê Quang Tr đối với ông Lê Quang U để đòi lại số tiền 212.000.000 đồng theo “Giấy mượn tiền” ngày 01/4/2016 trong một vụ kiện dân sự khác” là vượt quá yêu cầu của đương sự.*

Xét về thủ tục tố tụng, phía người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có đơn kháng cáo nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện.

Phía bị đơn kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và ông Th2 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày tranh luận yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm vì lý do sau: Về tố tụng, tất cả các đồng thừa kế đều thừa nhận phía ông X có được chia một phần đất và đã bán, nên yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm xác minh những người mua đất ông X và bán qua nhiều người, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác minh sơ sài. Về phía NLQ7 có ý kiến không đồng ý việc Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông X, trong đó có phần đất bà chưa được chia, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Ủy ban nhân dân huyện P vào tham gia tố tụng. Trong phần đất tranh chấp có cả căn nhà và cây cối do phía cha mẹ ông X và ông U để lại, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ vấn đề này. Tại thời điểm năm 1982, khi ông X về Phú Quốc sinh sống, thì đã có ông U ở chung với mẹ, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại nhận định phía ông X có công nuôi dưỡng người để lại di sản, nên chia quyền sử dụng đất cho ông X nhiều hơn là không đúng thực tế. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phía ông X đã cầm cho người khác trước khi chết và ông U đã bỏ ra một số tiền để chuộc lại, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại bỏ qua. Đối với phần đất chia cho

NLQ7 nếu quy bằng giá trị thì phải thẩm định giá lại vì kết quả định giá đã quá thời hạn 6 tháng.

Về phía ông Đặng Đức Tr đại diện theo ủy quyền của ông Tr tranh luận yêu cầu Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xử bác đơn kháng cáo của ông U, vì phần đất này được các đồng thừa kế, trong đó có ông U đã tự thỏa thuận phân chia xong vào năm 2006, trừ NLQ7 vắng mặt do ở Vĩnh Long. Các đồng thừa kế, trong đó có ông U đều thừa nhận phần đất mình được phân chia đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, kể cả ông X và cũng không có ai khiếu nại hay tranh chấp gì. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân ông X là đúng trình tự thủ tục, nay các đồng thừa kế là hàng thừa kế thứ nhất của ông X yêu cầu chia di sản của ông X để lại là đúng pháp luật thừa kế. Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát về việc chia quyền sử dụng đất cho NLQ7 hưởng di sản thừa kế của cha mẹ để lại và nằm chung trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông X do tại thời điểm năm 2006 NLQ7 không yêu cầu chia, tại Tòa án cấp sơ thẩm phía nguyên đơn không đồng ý, nay tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay phía nguyên đơn cũng đồng ý chia cho NLQ7 bằng giá trị theo như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

Về phía ông Ch đại diện theo ủy quyền của NLQ7 yêu cầu nếu chia di sản thừa kế cho NLQ7 bằng giá trị thì phải định giá lại.

Phía đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang nêu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn, chấp nhận nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang và sửa bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Lê Quang U, Hội đồng xét xử xét về nguồn gốc tài sản quyền sử dụng đất các bên tranh chấp là di sản của cụ ông Lê Quang A và cụ bà Nguyễn Thị H chết để lại. Năm 2006, các đồng thừa kế di sản của cụ A và cụ H gồm ông Lê Quang X, NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4, ông Lê Quang U đã họp gia đình xác định phần di sản ông X đang quản lý và tự thỏa thuận phân chia mỗi người được hưởng phần di sản, sau đó, mỗi người trong hàng thừa kế đã tự kê khai và được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, riêng đối với NLQ7 khi đó ở Vĩnh Long, không có mặt, nên chưa được chia (Bút lục 80, 77, 88, 147). Chính ông U cũng có lời khai trình bày sau khi cha mẹ tôi chết, thì

năm 2006 anh em chúng tôi tự thỏa thuận chia đất do cha mẹ chết để lại, trong đó, mỗi người được chia một nền nhà diện tích đất khoảng 200m², phần đất còn lại 1.597,3m² ông X tự kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, những người được chia một nền nhà cũng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Bút lục 80). Căn cứ Điều 639, Điều 640 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về nghĩa vụ và quyền của người quản lý di sản, thì việc ông X là người quản lý di sản, sử dụng phần di sản của cha mẹ để lại và được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.597,3m² thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ số 73 tại khu phố 8, thị trấn D, huyện P vào ngày 17/01/2011 theo sự thỏa thuận của các đồng thừa kế là hoàn toàn phù hợp pháp luật. Việc ông Th2 cho rằng phía NLQ7 có ý kiến không đồng ý Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng theo hồ sơ thể hiện phía NLQ7 chỉ trình bày khi ông X đăng ký QSD đất là đăng ký cả phần đất của NLQ7 được chia thừa kế, nay yêu cầu Tòa án xử chia cho NLQ7 diện tích đất 07m x 22,22m trong phần diện tích đất cấp cho ông X, chứ không cho rằng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông X là trái pháp luật, do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Ủy ban nhân dân huyện P vào tham gia tố tụng là phù hợp Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Đối với số tiền ông X vay 10.000.000 đồng để trị bệnh và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước khi ông chết, sau này các chị em trong gia đình trả tiền để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về cất giữ, khi xảy ra tranh chấp không có ai yêu cầu về số tiền này, nên Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết là phù hợp Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, nên không có cơ sở pháp lý chấp nhận nội dung kháng cáo của ông U và đề nghị hủy án sơ thẩm của người đại diện theo ủy quyền của ông U.

[2] Xét nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang về phần nội dung NLQ7 yêu cầu độc lập chia di sản của cha mẹ để lại, Hội đồng xét xử xét về phía NLQ7 là đồng thừa kế di sản của cha mẹ Lê Quang A và Nguyễn Thị H để lại. Tại thời điểm năm 2006, các đồng thừa kế đã thỏa thuận chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại, trong đó theo lời khai của bà Bảy thì NLQ7 khi đó ở Vĩnh Long không có mặt, ông X có hứa nếu NLQ7 có đòi chia thì ông sẽ chia cho NLQ7 một nền nhà như những anh chị em khác (Bút lục 77), NLQ1 cũng có lời khai, năm 2006, ông X chia cho mỗi anh chị em một nền nhà, riêng NLQ7 khi đó không có mặt, nhưng được chia một phần nằm trong diện tích đất ông X đứng tên (Bút lục 88), Tại biên bản hòa giải ngày 28/02/2017, phía NLQ4, NLQ3, NLQ1 cũng có lời khai năm 2006, khi anh em trong gia đình chia thừa kế của cha mẹ để lại, thì NLQ7 cũng được chia nhưng có nhận hay không thì không biết (bút lục 239), Tòa án cấp sơ thẩm nhận định việc NLQ7 từ chối nhận di sản, trong khi NLQ7 không thừa nhận việc này và theo khoản 2 Điều 642 Bộ luật dân sự quy định từ chối nhận di sản, thì: “*Việc từ chối nhận di sản phải được lập thành văn bản, người từ chối phải báo cho những người thừa kế khác, người được giao nhiệm vụ phân chia di sản, cơ quan công chứng hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có địa điểm mở thừa kế về việc từ chối nhận di sản*”, như vậy không có chứng cứ chứng minh việc NLQ7 từ chối nhận di sản và khi phát sinh tranh chấp thì thời hiệu chia di sản thừa kế vẫn còn, nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của NLQ7 không là không đúng

pháp luật. Do đó, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện P về việc buộc các đồng thừa kế di sản của ông X có nghĩa vụ giao phần thừa kế di sản cho NLQ7 bằng giá trị quyền sử dụng đất diện tích 155,54m² theo yêu cầu của NLQ7, vì phần diện tích đất của ông X được nhà nước giao là đất trồng cây lâu năm và căn cứ theo Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 09/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định diện tích tối thiểu được phép tách thửa đối với đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở trên địa bàn tỉnh Kiên Giang thì diện tích đất 155,54m² theo yêu cầu của NLQ7 không thể phân chia bằng hiện vật. Tại cấp sơ thẩm vị đại diện Viện kiểm sát cũng có ý kiến đề nghị chia di sản cho NLQ7 bằng giá trị, do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay về việc chia giá trị diện tích đất 155,54m² cho NLQ7, cụ thể căn cứ theo Chứng thư thẩm định giá ngày 12/01/2017 của Công ty TNHH định giá Thịnh Vượng, thì giá 1m² đất tranh chấp theo giá thị trường là 4.023.000 đồng, quy ra giá trị diện tích đất 155,54m² là 155,54m² x 4.023.000 đồng/m² = 625.737.420 đồng, tính tròn bằng 625.737.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay các đồng nguyên đơn cũng đồng ý chia cho NLQ7 bằng giá trị theo như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Việc ông Chiến có ý kiến cho rằng kết quả định giá đã quá 6 tháng, yêu cầu phải định giá lại, nhưng tại giai đoạn xét xử sơ thẩm phía ông Chính không khiếu nại kết quả định giá phần di sản quyền sử dụng đất đang tranh chấp và cũng không yêu cầu định giá lại, phía đại diện Viện Kiểm sát tại giai đoạn xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đều có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chia cho NLQ7 giá trị di sản quyền sử dụng đất do diện tích đất NLQ7 yêu cầu được chia không đủ diện tích tách thửa, Hội đồng xét xử chỉ xem xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát, nên không chấp nhận ý kiến này của ông Chiến.

[3] Xét nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang về phần án phí Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết buộc NLQ7 phải chịu tiền án phí giá ngạch trên tổng giá trị diện tích đất và cây trồng trên đất ông X được nhà nước cấp 1.597,3m², trong khi phía NLQ7 chỉ yêu cầu chia di sản quyền sử dụng đất diện tích 155,54m², như vậy Tòa án cấp sơ thẩm tính án phí vượt quá yêu cầu khởi kiện của đương sự là không phù hợp. Mặt khác, theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là: *“Đối với những vụ việc đã được Tòa án thụ lý để giải quyết theo thủ tục sơ thẩm hoặc theo thủ tục phúc thẩm trước ngày 01 tháng 01 năm 2017 nhưng sau ngày 01 tháng 01 năm 2017 Tòa án mới giải quyết theo thủ tục sơ thẩm, phúc thẩm thì các quyết định về án phí, lệ phí Tòa án được thực hiện theo quy định của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; trường hợp theo quy định của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 mà đương sự, người bị kết án phải chịu án phí, lệ phí Tòa án nhưng theo quy định của Nghị quyết này thì đương sự, người bị kết án không phải chịu hoặc được miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án thì áp dụng quy định của Nghị quyết này”*. Cụ thể theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án như sau:

1. Những trường hợp sau đây được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí:

a)

đ) Trẻ em; cá nhân thuộc hộ nghèo, cận nghèo; người cao tuổi;

Do phía NLQ7 sinh năm 1935, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm đã 82 tuổi, đối chiếu với Luật người cao tuổi ngày 23/11/2009 thì NLQ7 thuộc diện người cao tuổi, nên được miễn tiền án phí dân sự, theo nguyên tắc có lợi cho đương sự. Hiện nay NLQ7 vừa là người cao tuổi vừa là người khuyết tật được Nhà nước trợ cấp mỗi tháng 450.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát về việc miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho NLQ7.

Đối với số tiền ông X mượn của ông Tr, phía bên ông Tr không có yêu cầu gì, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm ghi trong phần Quyết định của bản án về việc giành quyền khởi kiện cho ông Tr là vượt quá yêu cầu của đương sự, nên cần sửa bản án sơ thẩm phần này.

Trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận quan điểm tranh luận của ông Th2 là người đại diện theo ủy quyền của ông U, chấp nhận quan điểm của ông Đặng Đức Tr là người đại diện theo ủy quyền của ông Tr và của đại diện Viện Kiểm sát về việc không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông U, chấp nhận nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Lê Quang U.

Chấp nhận nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 29/2017/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng Điều 639, Điều 640, Điều 674, 675, 676 Bộ luật dân sự năm 2005; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Phạm Thị D, ông Lê Quang Th2, ông Lê Quang Th, bà Lê Thị M và ông Lê Quang Tr.

2. Hủy văn bản khai nhận di sản thừa kế của ông Lê Quang U đã được NLQ8 công chứng số 3551, quyền số 06/2013 TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 27/12/2013;

3. Buộc ông Lê Quang U giao trả lại cho bà Phạm Thị D, ông Lê Quang Th2, ông Lê Quang Th, bà Lê Thị M và ông Lê Quang Tr diện tích đất gắn liền toàn bộ công trình xây dựng, cây trồng có trên đất qua đo đạc diện tích đất thực tế 1.597,3m² thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ số 73 tọa lạc tại khu phố 8, thị trấn Dương Đông, huyện P do Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 093530, ngày 17/01/2011 cho ông Lê Quang X. Thể hiện theo bản trích đo hiện trạng thửa đất tranh chấp ngày 12/9/2016 của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện P, diện tích đất có hình ABCDEFGHIJKLMN, độ dài các cạnh cụ thể như sau:

Cạnh AB=27.85m + Cạnh BC=18.47m + Cạnh CD=7.83m + Cạnh DE=14.35m giáp hẻm;

Cạnh EF=2.90m giáp đất ông Lương Trí Ngoan;

Cạnh FG=8.97m + Cạnh GH=9.60m giáp đất bà Trần Thị Phi;

Cạnh HI=14.99m giáp đất ông Lương Hoàng Việt;

Cạnh IJ=1.62m + Cạnh JK=15.43m + Cạnh KL=13.83m giáp đất ông Trần Văn Cung;

Cạnh LM=22.28m giáp đất ông Huỳnh Thiên Giang;

Cạnh MN=1.21m giáp đất ông Trần Cẩm Thạch;

Cạnh NA=22.22m giáp đất bà NLQ4.

Đề nghị Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện P hủy bỏ nội dung chỉnh lý biến động trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 093530, diện tích 1.597,3m² thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ số 73 tọa lạc tại khu phố 8, thị trấn D, huyện P do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho ông Lê Quang X để chỉnh lý giao lại quyền sử dụng đất này cho người đồng thừa kế hợp pháp của ông Lê Quang X là bà Phạm Thị D, ông Lê Quang Th2, ông Lê Quang Th, bà Lê Thị M và ông Lê Quang Tr.

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Lê Thị Hà (NLQ2 Hà).

5. Buộc bà Phạm Thị D, ông Lê Quang Th2, ông Lê Quang Th, bà Lê Thị M và ông Lê Quang Tr (đồng thừa kế ông Lê Quang X) có nghĩa vụ chia giá trị di sản thừa kế cho NLQ7 tương ứng giá trị quyền sử dụng diện tích đất 155,54m² bằng: 625.737.000 đồng (sáu trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi bảy ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi theo mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

6. Chi phí đo đạc bản vẽ số tiền 995.000 đồng và thẩm định giá số tiền 14.800.000 đồng theo hóa đơn số 0000114 ngày 17/01/2017 của Công ty TNHH định giá Thị Vượng, tổng cộng: 15.795.000 đồng. Buộc nguyên đơn phải chịu chi phí 1.538.135 đồng và bị đơn ông U phải chịu bằng 14.256.865 đồng. Do phía nguyên đơn đã nộp toàn bộ tiền tạm ứng chi phí, nên buộc ông Lê Quang U có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Phạm Thị D, ông Lê Quang Th2, ông Lê

Quang Th, bà Lê Thị M và ông Lê Quang Tr số tiền 14.256.865 đồng (mười bốn triệu hai trăm năm mươi sáu ngàn tám trăm sáu mươi lăm đồng).

7. Về án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn bà Phạm Thị D, ông Lê Quang Th2, ông Lê Quang Th, bà Lê Thị M và ông Lê Quang Tr phải chịu án phí không giá ngạch 200.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008094 ngày 11/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Kiên Giang. Hoàn trả cho nguyên đơn bà Phạm Thị D, ông Lê Quang Th2, ông Lê Quang Th, bà Lê Thị M và ông Lê Quang Tr số tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) (ông Trần Thanh Hải nộp thay) theo biên lai thu tiền số 0008313 ngày 03/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Buộc bị đơn ông Lê Quang U phải chịu án phí không giá ngạch 200.000 đồng. Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho NLQ7. Hoàn trả cho NLQ7 tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 660.000 đồng (Bà Phùng Mỹ Kim nộp thay) theo biên lai thu tiền số 0008437 ngày 07/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Lê Quang U phải chịu nộp án phí phúc thẩm 300.000 đồng, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc ông Lê Quang U nộp theo biên lai thu tiền số 0006097 ngày 17/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện P;
- THA dân sự huyện P
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Lâm Sơn